

Bản án số: **10/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/3/2018

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Minh Dẫn

2/ Ông Hà Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiên Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/3/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Vào năm 2010, bà Th và ông Bùi Minh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là huyện Đ), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01, ngày 01 tháng 3 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã, ông T dùng bạo lực với bà Th, đến tháng 10/2012 do không thể chịu đựng nữa nên bà Th cùng với con về nhà cha mẹ ruột của bà ở tại ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, bà Th yêu cầu được ly hôn. Trong thời gian chung sống bà Th và ông T có một con chung tên Lê Thị T, sinh ngày 17/01/2011, hiện đang chung sống với bà Th.

Nay bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung, bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Bùi Minh T nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Th, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Bùi Minh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Bùi Minh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th, nhận thấy bà Th và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là huyện Đ), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 01/3/2010. Quan hệ hôn nhân của bà Th và ông T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã, ông T dùng bạo lực với bà Th. Bà Th đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Bà Th và ông T đã không còn chung sống từ tháng 10/2012 đến nay. Hiện bà Th nhận thấy không thể chung sống với ông T được nữa nên có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà Th suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, nhưng bà Th vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Bùi Minh T.

Thời gian chung sống bà Th và ông T có một con chung là: Lê Thị T, sinh ngày 17/01/2011 hiện đang sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Th. Hiện bà Th có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Th

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Bùi Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị T, sinh ngày 17/01/2011 cho bà Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ông Bùi Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bùi Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, ông Bùi Minh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thị T của bà Lê Thị Th.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Th trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006519, ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Dương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Lịch Hội Thượng, h.TĐ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh